

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **36/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 11/8/2020

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đinh Thị Hải**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Văn Khuyến**

Ông **Lê Trọng Tính**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Hoàng Long** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Tâm** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 11 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 185/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1989; có đơn xin giải quyết vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 4, xã L, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Ông Trần Văn G, sinh năm 1990; vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 4, xã L, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai và Biên bản lấy lời khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Văn G xây dựng gia đình với nhau vào năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, nhưng khi đó chưa đăng ký kết hôn đến năm 2011 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B (nay là huyện P), tỉnh Bình Phước. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông G sống bê tha, không chịu lo làm ăn. Bà khuyên bảo nhiều lần nhưng ông G không thay đổi, từ những mâu thuẫn đó làm cho đời sống vợ chồng ngày càng không hòa hợp, hay cãi vã lẫn nhau nên giữa bà và ông G đã sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay không ai còn quan tâm đến ai. Tình cảm bà giành cho ông G không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông G

- *Về con chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Trần Văn G trình bày:**

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông G vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không lấy được lời khai của ông G.

- Tại biên bản xác minh ngày 19/6/2020, Đại diện Ủy ban nhân dân xã L cung cấp như sau: Trong quá trình sinh sống tại địa phương vợ chồng bà H, ông G thường hay cãi vã lẫn nhau, đôi khi giữa ông H, bà G lời qua tiếng lại còn xảy ra đánh nhau. Nhưng nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì địa phương không rõ. Vợ chồng bà H, ông G đã sống ly thân với nhau mỗi người một nơi

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với bị đơn ông Trần Văn G.

Các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Trần Văn G theo quy định tại Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, do bị đơn ông Trần Văn G có nơi cư trú tại thôn 4, xã L, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng. Bị đơn ông Trần Văn G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng ông G vẫn vắng mặt không có lý do nên

Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông G theo quy định Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

[2] *Về nội dung:* Bà H và ông G chung sống và xây dựng gia đình với nhau vào năm 2009 trên cơ sở tự nguyện nhưng chưa đăng ký kết hôn, đến năm 2011 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B (nay là huyện P), tỉnh Bình Phước vào ngày 21/6/2011. Trong quá trình giải quyết vụ án và qua xác minh tình trạng hôn nhân của bà H và ông G tại địa phương cho thấy, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do bà H và ông G thường hay cãi vã lẫn nhau, thậm chí đôi lúc lời qua tiếng lại con xảy ra đánh nhau. Mặt khác, Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập họp lệ, nhưng ông G vẫn vắng mặt điều đó thể hiện ý thức muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng của ông G không còn và trên thực tế vợ chồng bà H, ông G đã sống ly thân mỗi người một nơi hiện nay không ai còn quan tâm đến ai.

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân của bà H và ông G không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy việc yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu H đối với ông Trần Văn G là hoàn toàn có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội Đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông Trần Văn G.

Các vấn đề khác các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Nguyễn Thị Thu H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011626 ngày 05/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước. Bà H đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND H. Phú Riềng;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Phú Riềng;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Đinh Thị Hải